

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 21 – 5 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Số ***, khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965.

HKTT: Ấp THB, xã TP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Nơi cư trú: Khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Kim L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông Nguyễn Minh T có bán vé số kiến thiết và vé số mega (loại vé số 12 chữ số) nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Kim L, sau đó, bà L vay tiền của ông T (ông

T vay tiền của người khác) để trả tiền nợ vé số cho ông T và có viết các biên nhận như sau:

Ngày 30/02/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số vàng 07 chỉ vàng.

Ngày 30/02/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 30/3/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số tiền 120.000.000 đồng.

Đối với số tiền và vàng nêu trên bà L và ông T thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, không xác định thời hạn trả.

Từ khi viết các biên nhận nêu trên thì bà L chưa trả số tiền vốn và lãi cho ông T, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nhưng bà L không trả.

Ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L trả cho ông T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L thống nhất, bà L có mua vé số và số mega (loại vé số 12 chữ số) nhiều lần, sau đó, bà L vay tiền của ông T để trả tiền nợ vé số cho ông T và có ký tên vào các biên nhận như sau:

Ngày 30/02/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số vàng 07 chỉ vàng.

Ngày 30/02/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 30/3/2019 (âm lịch), bà L ký biên nhận nợ số tiền 120.000.000 đồng.

Số tiền 150.000.000 đồng và số vàng 07 chỉ vàng nêu trên một phần xuất phát từ việc mua vé số và một phần là tiền lãi trên số tiền mua vé số. Việc lãi nhập vốn được thực hiện nhiều lần mới hình thành số tiền nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Kim L không đồng ý trả cho ông Nguyễn Minh T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- 02 Biên nhận ngày 30/02/2019 âm lịch (Bản chính).
- 01 Biên nhận ngày 30/3/2019 âm lịch (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L cư trú tại khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Kim L theo 02 Biên nhận cùng ngày 30/02/2019 (âm lịch) và Biên nhận ngày 30/3/2019 (âm lịch).

Xét thấy, sau khi thống nhất, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Kim L xác lập hợp đồng vay tài sản và có lập 02 Biên nhận cùng ngày 30/02/2019 và Biên nhận 30/3/2019. Tại thời điểm xác lập Hợp đồng, ông T và bà L có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập Hợp đồng thì ông T và bà L đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà L có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L trả cho ông T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Xét thấy, sau khi xác lập Hợp đồng vay và tại 02 Biên nhận cùng ngày 30/02/2019 và Biên nhận 30/3/2019, thể hiện bà L đã nhận của ông T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ông T xác định, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả khoản tiền vay nhưng bà L không trả.

Như vậy, có cơ sở xác định, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của ông T. Do đó, ông T yêu cầu bà L trả cho ông T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Về lỗi suất: Tại phiên tòa, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích đã nêu trên, ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L trả cho ông T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim L là không đồng ý trả cho ông Nguyễn Minh T số vàng 07 chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng. Vì, số tiền và vàng nêu trên một phần xuất phát từ việc mua vé số và một phần là tiền lãi trên số tiền mua vé số. Việc lãi nhập vốn được thực hiện nhiều lần mới hình thành số tiền nêu trên.

Xét thấy, Tòa án đã ban hành Thông báo số 58/TB-TA ngày 09/4/2021 yêu cầu bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền và số vàng nêu trên một phần xuất phát từ việc mua vé số và một phần là tiền lãi trên số tiền mua vé số. Việc lãi nhập vốn được thực hiện nhiều lần mới hình thành số tiền nêu trên nhưng đến nay bà L không cung cấp. Do đó, ý kiến của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L trả cho ông Nguyễn Minh T số vàng 07 (Bảy) chỉ vàng 24kara và số tiền vốn là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.321.000 đồng (Chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

Trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.164.000 đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số BI/2019/0014353 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Võ Văn Hồng Biên